

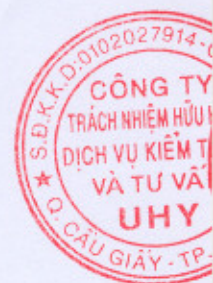
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	
2. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2010
3. Ông Mai Đình Hùng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
4. Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
5. Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên	
6. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
7. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2010

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tại ngày 28 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

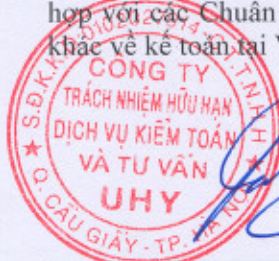
Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng cho sự xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 có đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty không trích khấu hao vào chi phí cho các tàu biển trong thời gian bị hỏng phải sửa chữa trong năm 2009 với giá trị 27.948.602.654 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2010, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ số tàu biển này.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính do hạn chế nêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Hà Minh Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.976.494.025	121.633.423.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	12.567.326.902	12.034.776.719
Tiền	111		11.567.326.902	12.034.776.719
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	7.106.132.600	355.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		7.137.812.600	355.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(31.680.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.440.525.492	91.704.502.193
Phải thu khách hàng	131		38.911.217.733	46.392.199.080
Trả trước cho người bán	132		7.637.213.399	6.508.427.799
Các khoản phải thu khác	135	V.03	58.351.015.513	46.238.501.827
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10.458.921.153)	(7.434.626.513)
Hàng tồn kho	140	V.05	154.042.591	5.650.330.216
Hàng tồn kho	141		154.042.591	5.650.330.216
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.708.466.440	11.888.814.139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		783.902.484	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.341.349.874	6.538.767.593
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		305.379.391	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.277.834.691	5.350.046.546
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.620.077.238	298.594.561.000
Tài sản cố định	220		62.363.268.363	236.303.739.459
Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	58.038.494.249	199.835.425.063
- Nguyên giá	222		94.907.855.948	339.796.835.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.869.361.699)	(139.961.410.415)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.137.461.064	4.021.841.390
- Nguyên giá	225		4.715.561.200	12.645.515.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.578.100.136)	(8.623.673.610)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	2.440.819.250	31.699.979.206
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	69.479.841.925	43.116.621.809
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.479.841.925	30.107.082.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.000.000.000	13.009.539.809
Tài sản dài hạn khác	260		1.776.966.950	19.174.199.732
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	997.176.950	18.303.409.732
Tài sản dài hạn khác	268		779.790.000	870.790.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		258.596.571.263	420.227.984.267

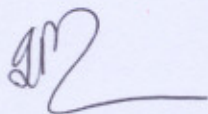
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		160.307.740.897	287.671.924.076
Nợ ngắn hạn	310		103.352.858.679	209.723.309.458
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	11.717.778.776	86.953.153.907
Phải trả người bán	312		38.488.976.473	69.134.863.534
Người mua trả tiền trước	313		11.844.264.025	14.563.783.645
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.136.504.396	1.818.891.733
Phải trả người lao động	315		1.914.622.639	4.834.800.137
Chi phí phải trả	316	V.13	20.890.652.299	20.929.989.674
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	16.103.418.573	9.509.318.330
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.256.641.498	1.978.508.498
Nợ dài hạn	330		56.954.882.218	77.948.614.618
Phải trả dài hạn khác	333		244.650.000	256.800.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.15	56.199.516.503	77.188.851.525
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		510.715.715	502.963.093
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.883.146.018	132.556.060.191
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	95.883.146.018	132.556.060.191
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.056.477.155	24.001.910.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.248.405.049)	(3.289.472.741)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(76.191.091.798)	(32.422.542.778)
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2.405.684.348	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		258.596.571.263	420.227.984.267

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



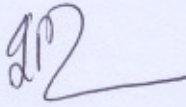
Nguyễn Quang Phúc

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại (USD)		175.842,30	163.102,93
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

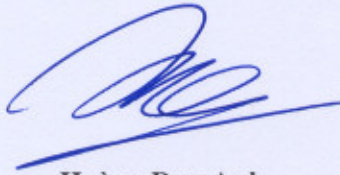
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

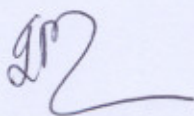
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm /2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	130.683.346.736	173.552.085.143
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.17	130.683.346.736	173.552.085.143
Giá vốn hàng bán	11	V.18	142.058.679.234	225.632.852.428
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(11.375.332.498)	(52.080.767.285)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	26.562.532.656	58.942.916.035
Chi phí tài chính	22	V.20	19.304.794.621	17.557.373.657
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.688.185.437</i>	<i>11.375.110.485</i>
Chi phí bán hàng	24		1.478.048.969	1.275.969.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.296.137.958	27.055.303.785
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.891.781.390)	(39.026.497.813)
Thu nhập khác	31	V.21	155.994.985.600	9.360.682.849
Chi phí khác	32	V.22	167.109.849.136	2.789.011.615
Lợi nhuận khác	40		(11.114.863.536)	6.571.671.234
Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết liên doanh	45		(529.438.695)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.536.083.621)	(32.454.826.579)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		135.465.727	41.278.658
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(43.671.549.348)	(32.496.105.237)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		147.794.793	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(43.819.344.141)	(32.496.105.237)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.23	(3.233)	(2.703)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Lan Anh



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

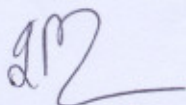
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(43.536.083.621)	(32.454.826.579)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	8.114.632.221	13.556.494.398
Các khoản dự phòng	3	3.055.974.640	4.157.459.344
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.066.991.488	697.170.141
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(9.863.122.033)	(64.154.903.205)
Chi phí lãi vay	6	7.688.185.437	11.375.110.485
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(33.473.421.868)	(66.823.495.416)
Tăng giảm các khoản phải thu	9	(28.163.886.952)	8.347.161.347
Tăng giảm hàng tồn kho	10	5.496.287.625	4.841.862.424
Tăng giảm các khoản phải trả	11	14.714.802.239	64.144.820.565
Tăng giảm chi phí trả trước	12	16.522.330.298	(8.662.841.698)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.869.624.144)	(9.863.151.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(750.355.616)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.249.288.751	33.512.684.152
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(105.851.455)	(8.618.559.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.380.431.122)	16.878.479.941
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(12.960.228.061)	(35.168.482.142)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	141.399.014.142	7.244.081.891
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.500.000.000)	(49.676.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	51.123.280.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.417.500.000)	(31.159.965.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.261.096.400	2.570.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.395.534.006	6.347.997.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	127.177.916.487	(48.719.588.432)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.158.613.250	74.695.480.100
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119.991.346.061)	(57.401.156.141)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.240.285.509)	(3.225.678.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(96.073.018.320)	14.068.645.507
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	724.467.045	(17.772.462.984)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.034.776.719	29.762.718.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(191.916.862)	44.521.566
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.567.326.902	12.034.776.719

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

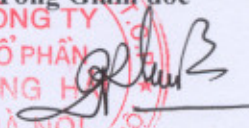


Nguyễn Lan Anh



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG HẢI
HÀ NỘI



Nguyễn Quang Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. KHÁT QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 ngày 19/11/1998, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,2%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,8%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất tự liệu sản xuất, tự liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý hàng hải;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2010 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	77,93%	Số 45, Triệu Việt Vương, Hà Nội
2	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội	34.000.000.000	100%	Toà nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, Hà Nội
3	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam	15.000.000.000	100%	Số 10, Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	51,00 %	Số 10 Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	31,74 %	Tầng 1, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng
3	Công ty TNHH LD Bond Việt Nam (*)	20,00 %	

(*) Trong đó, do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty TNHH LD Bond Việt Nam, theo đó, khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết này được thực hiện theo phương pháp giá gốc.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"

5. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14
Máy móc thiết bị	05-10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Tuy nhiên, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bond Việt Nam được kế toán theo phương pháp giá gốc do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty này.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

10. BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**11. GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**14. NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2010 được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này (tỷ giá 18.932 VND/USD) và được xử lý như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán đảo để xóa số dư.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

15. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	992.271.520	6.582.345.195
Tiền gửi ngân hàng	10.575.055.382	5.452.431.524
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-
Cộng	12.567.326.902	12.034.776.719

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		31/12/2010		01/01/2010
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		637.812.600		355.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh	8.800	140.800.000	-	-
+ Cổ phiếu Tổng Công ty nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	5.052	147.012.600	-	-
+ Cổ phiếu Ngân hàng Á Châu	-	-	500	5.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		6.500.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(31.680.000)		-
Cộng		7.106.132.600		355.000.000

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.274.818.010
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	10.317.940.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	3.412.500.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.766.047.811	1.766.047.811
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.315.608.380	1.315.608.380
Hàng tồn thất chờ xử lý	826.930.916	826.930.916
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hải Phòng	839.352.646	365.883.104
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội	663.629.654	1.550.558.434
Seacon	-	2.210.280.427
Thuê bãi Hải An (kho CFS)	-	235.439.874
Chi phí thành lập công ty Wallem shipping	-	515.998.700
Công ty CP Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT	-	452.650.800
Phải thu khác	7.801.698.187	5.724.285.371
Cộng	58.351.015.513	46.238.501.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2010	28.393.321.895	2.018.787.784	306.642.430.498	2.586.023.068	156.272.233	339.796.835.478
- Mua trong kỳ	16.000.000	-	1.191.992.909	89.549.280	-	1.297.542.189
- Đầu tư XDCB hoàn thành	38.471.073.770	-	-	-	-	38.471.073.770
- Tăng khác	261.577.732	-	-	-	-	261.577.732
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(264.607.465.024)	(546.969.811)	-	(266.690.036.125)
- Giảm khác	(21.316.082.096)	-	-	-	-	(21.316.082.096)
31/12/2010	45.825.891.301	483.186.494	46.313.903.383	2.128.602.537	156.272.233	94.907.855.948
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
01/01/2010	4.666.825.512	2.018.787.784	131.125.079.624	1.994.445.262	156.272.233	139.961.410.415
- Khấu hao trong kỳ	1.411.215.946	-	4.740.187.299	219.453.330	-	6.370.856.575
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(108.941.409.902)	(403.101.573)	-	(110.880.112.765)
- Giảm khác	(1.669.737.526)	-	-	-	-	(1.669.737.526)
31/12/2010	4.408.303.932	483.186.494	30.010.802.021	1.810.797.019	156.272.233	36.869.361.699
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2010	23.726.496.383	-	175.517.350.874	591.577.806	-	199.835.425.063
31/12/2010	41.417.587.369	-	16.303.101.362	317.805.518	-	58.038.494.249

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là: 17.452.042.585 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	154.042.591	5.650.330.216
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	154.042.591	5.650.330.216

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là các vỏ Containers 40 và 20 feet theo hợp đồng thuê ngày 17/11/2004 giữa Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội và Interpool Limited.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.440.819.250	31.699.979.206
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Khảo sát Dự án Cảng Phù Đồng	500.000.000	500.000.000
+ Thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250
+ Phần thô tòa nhà Hải An	-	29.259.159.956

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	-	769.824.561
Chi phí thuê sân Golf	540.891.400	564.789.400
Chi phí lên đà tàu OP	-	2.332.858.749
Chi phí sửa chữa lớn tàu	-	13.748.625.079
Chi phí công cụ dụng cụ	-	124.631.685
Chi phí trả trước dài hạn khác	456.285.550	762.680.258
	997.176.950	18.303.409.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		65.479.841.925		30.107.082.000
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem (*)		1.737.249.241	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)		63.635.510.684	-	30.000.000.000
- Công ty TNHH LD Bond Việt Nam (**)		107.082.000	-	107.082.000
Đầu tư dài hạn khác		4.000.000.000		13.009.539.809
- Đầu tư cổ phiếu	-	2.500.000.000	-	5.700.000.000
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	-	-	200.000	3.200.000.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	1.500.000.000	-	7.309.539.809
Công ty TNHH VT hàng Công nghệ cao	-	-	-	6.256.656.209
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT	150.000	1.500.000.000	105.288	1.052.883.600
Cộng		69.479.841.925		43.116.621.809

(*) Trong đó, các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty	31/12/2010		
	Tỷ lệ sở	Giá gốc	Hợp nhất theo phương pháp
	hữu vốn	VND	VCSH
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	51,00%	1.734.000.000	1.737.249.241
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	31,74%	58.125.000.000	63.635.510.684
Cộng		59.859.000.000	65.372.759.925

(**) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính liên quan đến khoản góp vốn vào Công ty TNHH LD Bond Việt Nam, theo đó khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn (*)	2.349.859.227	35.004.100.314
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	9.367.919.549	49.379.803.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	2.569.250.593
Cộng	11.717.778.776	86.953.153.907

(*): Chi tiết khoản vay ngắn hạn:

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay (/năm)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ tại 31/12/2010 VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Khế ước 5633 ngày 22/09/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	433.000.000	401.512.227	Thế chấp tài sản
Khế ước 5647 ngày 27/09/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	345.097.000	345.097.000	Thế chấp tài sản
Khế ước 5656 ngày 29/09/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	331.000.000	331.000.000	Thế chấp tài sản
Khế ước 5762 ngày 09/11/2010	Techcombank	14,60%	4 tháng	140.700.000	140.700.000	Thế chấp tài sản
Khế ước 5712 ngày 19/10/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	284.650.000	284.650.000	Thế chấp tài sản
Khế ước 5730 ngày 26/10/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	213.000.000	213.000.000	Thế chấp tài sản
Khế ước 5927 ngày 24/12/2010	Techcombank	16,70%	4 tháng	441.600.000	441.600.000	Thế chấp tài sản
Khế ước 5943 ngày 29/12/2010	Techcombank	16,70%	4 tháng	192.300.000	192.300.000	Thế chấp tài sản
Cộng				2.381.347.000	2.349.859.227	

(**): Xem thuyết minh 15

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế Giá trị gia tăng	60.523.093	174.730.507
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	436.188.430	1.049.558.369
Thuế Thu nhập cá nhân	159.945.118	213.518.098
Các loại thuế khác	479.847.755	381.084.759
Cộng	1.136.504.396	1.818.891.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	475.655.263	3.039.782.203
Chi phí lãi vay	5.916.177.789	2.689.596.873
Chi phí vật tư tàu	486.165.509	2.596.500.159
Phí cảng và phí quản lý	5.973.387.031	7.411.962.935
Chi phí sửa chữa tàu	5.434.629.576	-
Chi phí môi giới	22.890.089	-
Chi phí vận chuyển, sửa chữa, kiểm đếm	1.529.480.578	307.259.815
Chi phí phải trả khác	1.052.266.464	4.884.887.689
Cộng	20.890.652.299	20.929.989.674

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	18.902.180	-
Bảo hiểm xã hội	265.272.418	184.111.923
Bảo hiểm y tế	73.660.131	26.114.772
Bảo hiểm thất nghiệp	51.848.232	-
Phải trả của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	12.417.260.771	6.330.051.831
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	750.530.000	629.760.000
Bà Ngô Thị Lolan	750.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.775.944.841	2.339.279.804
Cộng	16.103.418.573	9.509.318.330

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	55.780.976.934	74.817.050.428
- Vay ngân hàng	55.780.976.934	74.817.050.428
Nợ dài hạn	418.539.569	2.371.801.097
- Thuê tài chính	418.539.569	2.371.801.097
Cộng	56.199.516.503	77.188.851.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

Các khoản vay dài hạn

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
				VND	VND	VND	
1200-LAV-200900722	Sở giao dịch NHNo và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	7.233.571.000	2.225.668.000	Tài sản thế chấp
1200-LAV-200801379 ngày 14/8/2008	Ngân hàng No&PTNT Chi nhánh Bách khoa	Lãi suất huy động tiền VND kỳ 12 tháng trả lãi sau của Agribank Bách Khoa cộng 3%	60 tháng	26.600.000.000	17.168.091.094	4.155.000.000	Tài sản thế chấp
1200-LAV-200801379 ngày 14/8/2008	Ngân hàng No&PTNT Phòng Giao dịch Kim Liên	Lãi suất huy động tiền VND kỳ 12 tháng trả lãi sau của Agribank Phòng Giao dịch Kim Liên cộng 3%	60 tháng	-	4.612.108.000	-	Tài sản thế chấp
11.2009/HDTD/TH-PN/TCB HP-DVHH	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng (Techcombank)	Lãi suất thả nổi	48 tháng	770.000.000	370.000.000	192.000.000	Thế chấp tài sản
98.10.251.641356.TD.DN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	350.000.000	163.800.000	117.600.000	Thế chấp tài sản
131.10.251.641356.TD.DN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	311.000.000	156.200.000	103.200.000	Thế chấp tài sản
Cộng				37.650.450.000	29.703.770.094	6.793.468.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

Các khoản vay dài hạn (tiếp)

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
				USD	USD	USD	
01/2008/HĐTD/M B-MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/ năm	48 tháng	3.521.000	1.494.978	-	Tài sản thế chấp
Cộng				3.521.000	1.494.978	-	

Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm 2010			Năm 2009		
	Tổng khoản tiền thanh toán thuê tài chính	Lãi	Gốc	Tổng khoản tiền thanh toán thuê tài chính	Lãi	Gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
5 năm	1.570.338.811	150.365.947	1.419.972.864	3.566.000.000	340.000.000	3.226.000.000
Cộng	1.570.338.811	150.365.947	1.419.972.864	3.566.000.000	340.000.000	3.226.000.000

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới
				USD	USD	USD
HĐ ngày 03/01/07	Interpool Container Ltd.,	5,51%/năm	60 tháng	593.700	158.091,65	135.984,13
Cộng				593.700	158.092	135.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Cổ đông	31/12/2010	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.981.089.710	5,15%
2	Các cổ đông khác	128.574.050.290	94,85%
	Cộng	<u>135.555.140.000</u>	<u>100,00%</u>

16.2 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	117.880.870.000
+ Vốn góp tăng trong năm.	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	117.880.870.000

16.3 Cổ phiếu

	31/12/2010 CP	01/01/2010 CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

16.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2009	117.880.870.000	24.001.910.000	(1.200.000)	-	20.039.747.900	6.346.747.810	80.162.459	168.348.238.169
- Tăng vốn trong năm trước	17.674.270.000	-	-	-	-	-	-	17.674.270.000
- Tăng khác	-	-	-	133.822.010	-	-	-	133.822.010
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(32.496.105.237)	(32.496.105.237)
- Giảm khác	-	-	-	(3.423.294.751)	(17.674.270.000)	-	(6.600.000)	(21.104.164.751)
31/12/2009	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(3.289.472.741)	2.365.477.900	6.346.747.810	(32.422.542.778)	132.556.060.191
01/01/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(3.289.472.741)	2.365.477.900	6.346.747.810	(32.422.542.778)	132.556.060.191
- Tăng vốn trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	49.557.693	49.557.693
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(43.671.549.348)	(43.671.549.348)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.053.738.311	-	-	-	1.053.738.311
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	6.054.567.155	-	(12.670.619)	-	-	(528.136.611)	5.513.759.925
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	381.579.246	381.579.246
31/12/2010	135.555.140.000	30.056.477.155	(1.200.000)	(2.248.405.049)	2.365.477.900	6.346.747.810	(76.191.091.798)	95.883.146.018

(*) Là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm 2005, 2006 và 2007 theo Biên bản thanh tra thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.683.346.736	173.552.085.143
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	95.763.034.045	134.760.235.953
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	5.573.554.644	12.839.170.957
+ Doanh thu bán xà lan cầu nổi M10	4.000.000.000	-
+ Doanh thu lưu kho bãi	1.696.677.364	4.842.182.532
+ Doanh thu hoạt động quản lý	5.217.080.891	9.351.420.909
+ Doanh thu dịch vụ khác	18.432.999.792	11.759.074.792

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn vận tải	85.312.137.067	206.844.141.124
Giá vốn lưu kho bãi	1.539.815.760	2.025.088.665
Giá vốn lai đất tàu	12.367.146.861	9.400.067.783
Giá vốn hoạt động quản lý	3.248.098.870	4.768.026.276
Giá vốn dịch vụ khác	39.591.480.676	2.595.528.580
Cộng	142.058.679.234	225.632.852.428

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	411.259.163	467.272.050
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	20.680.652.048	50.980.023.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.600.000.000	5.880.725.369
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	210.475.795	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.627.742.326	1.614.742.423
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.403.324	152.298
Cộng	26.562.532.656	58.942.916.035

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	7.688.185.437	11.375.110.485
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	56.500.000	236.064.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.001.689.281	5.024.959.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.064.043.385	697.170.141
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	31.680.000	-
Chi phí tài chính khác	4.462.696.518	224.069.475
Cộng	19.304.794.621	17.557.373.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Nhượng bán tài sản cố định	145.858.380.526	7.258.081.891
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	10.053.655.430	-
Thu nhập khác	82.949.644	2.102.600.958
Cộng	155.994.985.600	9.360.682.849

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhượng bán tài sản	167.084.325.134	230.552.492
Chi phí khác	25.524.002	2.558.459.123
Cộng	167.109.849.136	2.789.011.615

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(43.819.344.141)	(32.496.105.237)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(43.819.344.141)	(32.496.105.237)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.555.394	12.020.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.233)	(2.703)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận được lập dựa trên kết quả kinh doanh của các đơn vị như sau:

CHỈ TIÊU	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BĐS Hà Nội	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	Loại trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.525.026.331	32.831.370.411	4.879.523.431	45.194.059.093	40.253.367.470		130.683.346.736
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	1.827.492.261	-	1.269.392.919	-	2.141.765.604	(5.238.650.784)	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	20.275.654.277	299.303.687	717.805.486	1.412.588.694	3.112.258.172		25.817.610.316
- Chi phí khấu hao	3.750.122.537	240.506.109	489.322.161	945.262.109	2.689.419.305		8.114.632.221
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	16.525.531.740	58.797.578	228.483.325	467.326.585	422.838.867		17.702.978.095
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(33.248.920.056)	4.326.599.424	(879.240.770)	(25.468.016)	(2.064.751.972)	-	(31.891.781.390)
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	46.702.046	225.774.546	38.471.073.770	14.890.870	1.010.174.727		39.768.615.959
6. Tài sản bộ phận	145.338.231.057	31.536.000.136	44.788.798.877	18.542.273.601	18.391.267.592	-	258.596.571.263
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							258.596.571.263
8. Nợ phải trả bộ phận	91.872.291.225	23.021.493.307	30.908.368.405	4.788.667.929	9.716.920.031	-	160.307.740.897
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							160.307.740.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu với bên liên quan	2.340.205.839	1.766.047.811
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.726.008.627	1.766.047.811
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	614.197.212	-
Vay vốn	1.321.320.666	7.500.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.321.320.666	7.500.000.000
Trả vốn vay	7.821.320.666	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	7.821.320.666	-
Góp vốn đầu tư	39.234.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	37.500.000.000	-
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	-
Chuyển nhượng vốn góp tại cho đơn vị khác	9.375.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	9.375.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

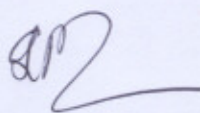
	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu	1.726.008.627	1.766.047.811
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.726.008.627	1.766.047.811
Các khoản phải trả	2.343.970.086	7.129.760.000
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	12.385.015	6.500.000.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.331.585.071	629.760.000

2. Số liệu so sánh.

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán (AASC). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc




Nguyễn Quang Phúc